Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 036

BẤT ĐỘNG

036

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu, tô màu *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. *Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?*

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

– *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*

– *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Định nghĩa - Thế nào là động chuyển, chuyển động - Kinh Bó Lúa – Tương IV, 325

Bó Lúa – *Tương* IV, 325

1-2) ...

3) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***một bó lúa*** *quăng tại ngã tư đường, rồi* sáu *người đến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với* sáu *cái đập (vyàkggì). Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy được khéo đập với sáu cái đập ấy. Rồi một người thứ bảy đến, tay cầm cái đập, và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy.* ***Như vậy,*** *này các Tỷ-kheo,* ***bó lúa ấy lại càng được khéo đập với cái đập thứ bảy.***

4) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu* ***bị đập*** trong con ***mắt*** *bởi những* ***sắc*** *khả ái và không khả ái.*

... bị đập trong ***lưỡi*** *bởi những* ***vị*** *khả ái và không khả ái...*

... bị đập trong ***ý*** *bởi những* ***pháp*** *khả ái và không khả ái.*

*Này các Tỷ-kheo, nếu kẻ vô văn phàm phu ấy lại nghĩ đến tái sanh trong tương lai, **như vậy**, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa**. Ví như, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại được đập với cái đập thứ bảy nữa.*

5) Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua A-tu-la gọi các A-tu-la: "Này Thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la". Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba: "Này Thân hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trói vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)".

6) Nhưng trận chiến ấy, chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại. Rồi, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba trói vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau: "Chư Thiên theo Chánh pháp, còn A-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư Thiên", thời khi ấy vua A-tu-la tự thấy mình được cởi trói hai chân, hai tay và thứ năm là cổ, và được hưởng thọ, được thưởng thức đầy đủ năm dục công đức cõi trời.

Và này các Tỷ-kheo, khi vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các A-tu-la theo Chánh pháp, chư Thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các A-tu-la", thời khi ấy vua A-tu-la tự thấy mình bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và **còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Màra**. Ai có tư tưởng (Mannamàna), người ấy bị Màra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

- *"Tôi là"*, này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- *"Cái này là tôi"*, này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- *"Tôi sẽ là"*, này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- *"Tôi sẽ không là"*, là một tư tưởng.

- *"Tôi sẽ có sắc"*, là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có sắc*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ có tưởng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tưởng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng*", là một tư tưởng.

Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mụt nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một động chuyển (injitam).
- "Cái này là tôi", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ là", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ không là", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ có sắc", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ có tưởng", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ không có tưởng", là một động chuyển.
- "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một động chuyển.

Động chuyển, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyển là mụt nhọt. Động chuyển là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyển".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một chấn động (phanditam).
- "Cái này là tôi", là một chấn động.
- "Tôi sẽ là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có tưởng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tưởng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một chấn động.

Chấn động, này các Tỷ-kheo, là tham. Chấn động là mụt nhọt. Chấn động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không chấn động".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một hý luận (papancitam).
- "Cái này là tôi", là một hý luận.
- "Tôi sẽ là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có tưởng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tưởng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một hý luận.

Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mụt nhọt. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có hý luận".

12) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một ngã mạn.
- "Cái này là tôi", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ có sắc", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một ngã mạn.

- "Tôi sẽ có tưởng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tưởng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một ngã mạn.

Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mụt nhọt. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mạn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

2 5 pháp làm cho đáng bị nghi ngờ - Kinh ĐÁNG NGHI NGỜ – Tăng II, 515

ĐÁNG NGHI NGỜ – *Tăng* II, 515

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bị mất tin tưởng và bị nghi ngờ là "ác Tỷ-kheo", dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đi đến chỗ dâm nữ,
- Đi đến nhà đàn bà góa,
- Đi đến nhà có con gái già,
- Hay đi đến nhà các hoạn quan,
- Hay đi đến chỗ các Tỷ-kheo-ni.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo bị mất tin tưởng và bị nghi ngờ là ác Tỷ-kheo, dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.

3 Bất động ta giải thoát, hữu kiết sử đoạn diệt - Kinh HỮU HỌC 1 – Tăng I, 419

HỮU HỌC 1 – *Tăng* I, 419

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Hữu học, hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu học?*

- **Học tập, nên được gọi là hữu học.** Và học tập cái gì? Học tập tăng thượng giới, học tập tăng thượng tâm, học tập tăng thượng tuệ. Vị ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị Hữu học.

Bậc hữu học, học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên.
Tiếp theo không gián đoạn,
Chánh trí mới sanh khởi.
Rồi chánh trí giải thoát,
Trí như vậy khởi lên.
Bất động ta giải thoát,
Hữu kiết sử đoạn tận.

HỮU HỌC 2 – *Tăng* I, 420

1. - Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. *Này các Tỷ-kheo, **tất cả được thâu nhiếp hợp lại làm thành ba học giới này***.

Thế nào là ba?

- Tăng thượng giới học,
- Tăng thượng tâm học,
- Tăng thượng tuệ học.

Chính ba học giới này, này các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần,*
- *Đối với định, hành trì một phần,*
- *Đối với tuệ, hành trì một phần.*

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. *Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận*

và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác.*

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần,*
- *Đối với định, hành trì một phần,*
- *Đối với tuệ, hành trì một phần*.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là bậc Nhất lai, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.*

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần,*
- *Đối với định, hành trì toàn phần,*
- *Đối với tuệ, hành trì một phần.*

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa.*

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần,*
- *Đối với định, hành trì toàn phần,*
- *Đối với tuệ, hành trì toàn phần.*

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ***người hành trì có một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần****. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo,* <u>*các học giới không phải là rỗng không.*</u>

4 Bất động ta giải thoát, đoạn diệt hữu kiết sử - Kinh NGHÈO KHỔ – Tăng III, 117

NGHÈO KHỔ –*Tăng* III, 117

1.-*Sự nghèo khổ*, này các Tỳ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ. *Mắc nợ* ấy, này các Tỳ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu phải, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời. *Tiền lời,* này các Tỳ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Khi một người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta hối thúc, đốc thúc người ấy. *Sự hối thúc, đốc thúc*, này các Tỳ-

kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy. *Bị theo sát gót*, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy. *Sự bắt trói*, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy:

- ***Nghèo khổ*** *là một sự* ***đau khổ*** *cho người* ***có tham dục*** *ở đời*;
- ***Mắc nợ*** *cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;*
- ***Tiền lời*** *cũng là sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;*
- ***Bị hối thúc****, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;*

- ***Bị theo sát gót***, *bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;*
- ***Bị bắt trói*** *cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

- Ai *không có* lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.
- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, *làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ.* Ta gọi người ấy là người mắc nợ.
- Người ấy do nhân *che giấu thân ác hạnh, khởi lên ác dục, muốn rằng*: "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong

rằng không ai biết ta làm". Người ấy, do nhân *che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý*, khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm". Đây Ta gọi rằng: "Tiền lời gia tăng".

- Và *các đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy* như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy". Đây Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc.

- Rồi người ấy *đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, các ác bất thiện tầm, câu hữu với hối lỗi hiện hành.* Đây Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.

- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, bị trói buộc trong trói buộc của Địa ngục, bị trói buộc trong trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo,

giống như sự trói buộc Địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh.

Nghèo khổ và mắc nợ,
Được gọi khổ ở đời!
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại,
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc.
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.

Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp.
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý.
Lại mong muốn được rằng:
"Chớ ai biết ta làm".
Người ấy khéo che giấu,
Với thân, lời và ý,
Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây, đó, làm nữa.
Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại.

Những tư tưởng khổ đau
Sanh ra từ hối hận
Vẫn truy tìm người ấy,
Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ,
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói Địa ngục.
Trói buộc này là khổ.
- Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường,
Tín tại gia tìm cầu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.

Như vậy trong Luật Thánh
Tín tâm được an trú.
Có xấu hổ, sợ hãi,
Có trí, bảo hộ giới,
Bậc ấy, trong Luật Thánh,
Được gọi: "Sống an lạc".
Được lạc không vật chất,
An trú trên tánh xả.
Từ bỏ năm triền cái,

Thường siêng năng, tinh cần,
Chứng Thiền định, nhứt tâm,
Thận trọng, giữ chánh niệm.
Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiết sử,
Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh, tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
"Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử".
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sầu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.

5 Còn có gì sau khi đoạn diệt ly tham 6 xúc xứ - Kinh KOTTHITA – Tăng II, 123

KOTTHITA – *Tăng* II, 123

1. Rồi Tôn giả Mahàkotthita đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón thăm hỏi … ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàkotthita thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

2.- Thưa Hiền giả, khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, có và không có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Sau khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không có và không không có một cái gì khác nữa", Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả". Thưa Hiền giả, như thế nào cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

3.-

- *"Thưa Hiền giả, Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa!"*, ***nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.***

- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, không có cái gì khác nữa!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*
- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, còn cái gì và không còn cái gì khác nữa!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*
- *"Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ... không có dư tàn, không còn cái gì và không không còn cái gì!", nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.*

Thưa Hiền giả, ***cho đến khi nào có sự đi đến sáu xúc xứ, cho đến khi ấy có sự đi đến hý luận. Cho đến khi nào có sự đi đến hý luận, cho đến khi ấy có sự đi đến sáu xúc xứ.***

Thưa Hiền giả, ***do sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, hý luận được đoạn diệt, hý luận được chỉ tịnh.***

4. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Tôn giả Mahàkotthita, sau khi đến, nói với Tôn giả Mahàkotthita những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, có phải còn có vật gì khác?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

.. (giống như đoạn trước, khi Sàriputta trả lời cho Mahàkotthita) … cho đến hý luận được chỉ tịnh ".

6 Cầu chứng cảnh bất động - Kinh Bọt Nước – Tương III, 252

Bọt Nước – *Tương* III, 252

1) Một thời Thế Tôn ở Ayujjàya, trên bờ sông Hằng.

2) Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo **đống bọt nước lớn**. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. **Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đống bọt nước được?***

4) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có **sắc** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo **nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc** ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. **Làm sao,** này các Tỷ-kheo, **lại có lõi cứng trong sắc được?***

5) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước,* ***các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến****. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?*

6) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có* ***thọ*** *gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó,* ***thọ*** *ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng.* ***Làm sao,*** *này các Tỷ-kheo****, lại có lõi cứng trong thọ được?***

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng,* ***một ráng mặt trời*** *rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?*

8) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có* ***tưởng*** *gì...*

9) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy* ***một cụm cây chuối lớn****, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rễ cây ấy. Sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài.* ***Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?***

10) *Một người có mắt nhìn* ***chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy****. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?*

11) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các* ***hành*** *gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát,* ***hành*** *ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong các hành được?*

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử* ***một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật****. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý*

quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được?

13) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm **thức** gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát, **thức** ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong thức được?*

14) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

15) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

> *1) **Sắc** ví với **đống bọt,***
> ***Thọ** ví **bong bóng nước**,*
> ***Tưởng** ví **ráng mặt trời**,*
> ***Hành** ví với **cây chuối**,*

Thức *ví với* ***ảo thuật****,*
Đấng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.

2) Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chơn quán sát,
Như lý nhìn (các pháp),
Hiện rõ ***tánh trống không****.*

3) Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,
Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy ***sắc*** *bị quăng bỏ.*

4) Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Làm đồ ăn kẻ khác.

5) Cái thân liên tục này,
Ảo sư, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lõi cây.

6) Hãy quán ***uẩn*** *như vậy,*
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,

Tỉnh giác, chánh tư niệm.

7) Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,
Sống như lửa cháy đầu,
*Cầu chứng cảnh **bất động**.*

7 Do không chấp thủ nên không dao động - Kinh Thích Hợp 1 – Tương IV, 41

Thích Hợp 1 – *Tương* IV, 41 (Sàruppa)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông **con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường** (sabbamannità). Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?*

4-6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con **mắt**, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta".

- Vị ấy không tư lường các **sắc**, không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: "Các sắc là của ta".
- Vị ấy không tư lường **nhãn thức**, không tư lường trên nhãn thức, không tư lường từ nhãn thức, không tư lường: "Nhãn thức là của ta".

- Vị ấy không tư lường **nhãn xúc**, không tư lường trên nhãn xúc, không tư lường từ nhãn xúc, không tư lường: "Nhãn xúc là của ta".
- Do duyên nhãn xúc khởi lên **cảm thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy của ta".

... Tai... Mũi...

7-8) ... Vị ấy không tư lường **lưỡi**, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta". Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường trên các vị, không tư lường từ các vị, không tư lường: "Các vị là của ta". Vị ấy không tư lường thiệt thức, không tư lường trên thiệt thức, không tư lường từ thiệt thức, không tư lường: "Thiệt thức là của ta". Vị ấy không tư lường thiệt xúc, không tư lường trên thiệt xúc, không tư lường từ thiệt xúc, không tư lường: "Thiệt xúc là của ta". Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta".

9) ... Vị ấy không tư lường **ý,** không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta".

Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: "Các pháp là của ta".

Vị ấy không tư lường ý thức, không tư lường trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: "Ý thức là của ta". Vị ấy không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: "Ý xúc là của ta".

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta".

Này các Tỷ-kheo, tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, từ đấy cái ấy bị đổi khác. ***Ý tựa trên đổi khác, bám víu vào tái sanh, thế giới ưa thích tái sanh.***

10) *Cho đến các **uẩn, giới, xứ**, này các Tỷ-kheo, vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta".*

Vị ấy không tư lường như vậy nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn

toàn tịch tịnh. *Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

Thích Hợp 2 – *Tương* IV, 44

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết **con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường**.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?*

4-6) *Ở đây, này các Tỷ-kheo,* ***Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta"****. Vị ấy không tư lường các* ***sắc****... không tư lường nhãn* ***thức****... không tư lường nhãn* ***xúc****... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm* ***thọ*** *gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi*

khác. Thế giới thích thú hiện hữu (bhavasatto), vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu...

7-8) ... Vị ấy không tư lường **lưỡi**, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta". Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường thiệt thức, không tư lường thiệt xúc. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất lạc bất khổ; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

9) ... Vị ấy không tư lường **ý**, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta". Vị ấy không tư lường các **pháp**, không tư lường ý **thức**, không tư lường ý **xúc**. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất lạc bất khổ; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm **thọ** ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta". Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường

từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

10) *Này các Tỷ-kheo, xa cho đến* ***uẩn, giới, xứ****, vị ấy không có tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta".*

Vị ấy không có tư lường như vậy nên không có chấp thủ một sự vật gì trong đời. Do không chấp thủ, nên không dao động (paritassati), do không dao động, vị ấy tự mình được tịch tịnh (parinibbàyati). *Vị ấy tuệ tri (pajànati): "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

11) Này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

Thích Hợp 3 – *Tương* IV, 46

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết **con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.**

3*) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?*

4-6) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo,* ***mắt*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- *Các* ***sắc****... Nhãn* ***thức****... Nhãn* ***xúc*** *là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

--... **Tai**... Các tiếng... Nhĩ thức... Nhĩ xúc...

... **Mũi**... Các hương... Tỷ thức... Tỷ xúc...

7-8) ... **Thiệt**... Các vị... Thiệt thức... Thiệt xúc...

... **Thân**... Các xúc... Thân thức... Thân xúc...

9) **Ý** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10) -- *Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với* ***mắt****, nhàm chán đối với* ***sắc,***

*nhàm chán đối với nhãn **thức**, nhàm chán đối với nhãn **xúc**. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với với lưỡi... đối với thân... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. **Do nhàm chán nên vị ấy ly tham**. Do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, nay không còn trở lui trạng thái này nữa".*

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

8 Giải thoát của Ta là bất động - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO

(Upakkilesa suttam) – Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thưởng-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sư-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khất thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?

Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?

"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,

Hận thù không thể nguôi.

"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.

Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.

"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Những ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.

Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?

Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,
Đả thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.

Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khất thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khất thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích

lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty- la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyến tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y

bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Này các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khất thực có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực khỏi có mệt nhọc.

– Này các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Này các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau: *"Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này,* ***con khởi lên từ thân nghiệp****, trước mặt và sau lưng;* ***con khởi lên từ khẩu nghiệp****, trước mặt và sau lưng,* ***con khởi lên từ ý nghiệp****, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau:* ***"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"****. Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn,* ***chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.***

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con

từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khất thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khất thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thời bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè

nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nỗi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anurudda! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhận thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. **Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì .**

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các

sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "***Nghi hoặc*** *khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa*".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?"* Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "***Không tác ý*** *khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa"*.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng

dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "***Hôn trầm, thụy miên***, *khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thụy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc, không tác ý và hôn trầm, thụy miên không khởi lên nơi Ta nữa".*

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "***Sự sợ hãi*** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý hôn trầm, thụy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "***Sự phấn chấn*** (ubbilla) khởi lên nơi

Ta. Vì có sự phấn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được năm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phấn chấn khởi lên*. Cũng vậy, này các Anuruddha, phấn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phấn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phấn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (dutthullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tinh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy*. Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phấn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục..

với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghi hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc.. (như trên)... các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, sau khi biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ nghi

hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phấn chấn.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tưởng sai biệt... sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, **Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.**

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các*

sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày"*.

Này các Anuruddha, **khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ**; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời

không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phấn chấn...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay **Ta tu tập ba loại định**". Rồi này các Anuruddha:

- Ta tu tập định có tầm, có tứ;
- Ta tu tập định không có tầm, chỉ có tứ;
- Ta tu tập định không tầm không tứ;
- Ta tu tập định có hỷ;
- Ta tu tập định không có hỷ;
- Ta tu tập định câu hữu với lạc;
- Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, khi nào Ta tu tập định có tầm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tầm chỉ có

tứ; khi nào Ta tu tập định không có tầm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** ***"Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".***

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

9 Họ đạt được bất động - Kinh Các Vị ALaHán – Tương III, 155

Các Vị ALaHán – *Tương* III, 155

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6)... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành. .. đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm

hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

10) Này các Tỳ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến **tột đảnh của hữu** (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

11) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt;
Lưới si bị phá rách.

*2) Họ đạt được **bất động**,*
Tâm viễn ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.

*3) Họ biến tri **năm uẩn**.*
*Do hành **bảy Chánh pháp**.*
Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.

4) Đầy đủ ***bảy món báu****,*
Ba học *đều thành tựu,*
Bậc đại hùng du hành,
Đoạn tận mọi sợ hãi.

5) Đầy đủ ***mười uy lực****,*
Bậc Long tượng Thiền định.
Họ tối thắng ở đời,
Khát ái *được đoạn tận.*

6) Thành tựu ***vô học trí****,*
Thân này thân tối hậu,
Cứu cánh của Phạm hạnh,
Đạt được không nhờ ai.

7) Đối các tưởng, không động,
Giải thoát khỏi tái sanh,
Đạt được điều phục địa,
Họ chiến thắng ở đời.

8) Thượng, hạ cùng tả, hữu.
Họ không có hỷ lạc,
Họ rống sư tử rống,
Phật vô thượng ở đời!

10 Không nghĩ mình là bất cứ vật gì… - Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III, 175

KINH CHÂN NHÂN
(Sappurisa suttam)

– *Bài kinh số 113* – Trung *III, 175*

Như vầy tôi nghe.
Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:
– "Này các Tỷ-kheo"
– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:
– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng"
– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:
– Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp?
Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình cao sang**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một gia đình cao sang"*. Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các

Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi **lấy đạo lộ (patipadam) làm chánh yếu** (antaram?) không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình.... (như trên).... xuất gia từ một gia đình đại phú.. (như trên)... xuất gia từ một gia đình quý phái.** Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái"*. Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy*

hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được nhiều người biế**t, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng"*. Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được các vật (cúng dường)** như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh"*. Vì người ấy thâu nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bịnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khất thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thâu nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là **người nghe nhiều**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không*

nghe nhiều". Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **bậc trì luật**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì luật"*. Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu,

không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **<u>người thuyết pháp</u>**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp"*. Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **<u>người theo hạnh sống ở núi rừng</u>**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi"*. Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người

Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo **hạnh mặc phấn tảo y**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh mặc phấn tảo y. Còn các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phấn tảo y"*. Người này do tự mình theo hạnh mặc phấn tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phấn tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phấn tảo y nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người*

ấy tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phấn tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh khất thực**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta theo hạnh khất thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khất thực"*. Người ấy, do tự mình theo hạnh khất thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh khất thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khất thực nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khất thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo **hạnh sống dưới gốc cây**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây"*. Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới

gốc cây nên khen mình chê người Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen minh chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **theo hạnh sống tại nghĩa địa.. (như trên)... theo hạnh sống ngoài trời.. (như trên)... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... (như trên)... Theo hạnh ngồi tại chỗ mời... (như trên)... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi"*. Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn*

trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người chứng được sơ Thiền, các người Tỷ-kheo này không chứng được sơ Thiền"*. Người ấy do tự mình chứng được sơ Thiền nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định sơ Thiền, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi **lấy vô tham ái** làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định sơ Thiền. Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ,

nội tỉnh nhứt tâm.. Thiền thứ ba.. chứng và trú thiền thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta chứng đắc định Thiền thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chứng đắc định Thiền thứ tư"*. Người ấy vì chứng đắc định Thiền thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thiền thứ tư, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng đắc định Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ". Người ấy, vì chứng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Định Không vô biên xứ này, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác".* Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm

chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chứng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chứng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo,

suy nghĩ như sau: *"Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Người ấy vì chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Phi tưởng phi phi tưởng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì,**

không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

11 Kinh Con rắn – Tương I, 236

Con rắn – *Tương* I, 236

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột một.

3) Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, bèn biến thành con ***đại xà vương*** và đi đến Thế Tôn.

4) Thân của nó to lớn ví như một chiếc thuyền đẽo ra từ một thân cây. Cái mang của nó ví như cái khay đan của người nấu rượu. Mắt của nó ví như cái đĩa bằng đồng của nước Kosala; lưỡi của nó le ra từ miệng ví như mũi tên chớp sáng lòe khi trời mưa gió sấm sét; tiếng hơi thở vô, hơi thở ra của nó ví như bệ thổi của người thợ rèn.

5) Rồi Thế Tôn biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ này với Ác ma:

Quý thay bậc Mâu-ni,
Sống trong nhà không tịch,
Biết chế ngự tự ngã,

Tại đấy vị ấy trú.
Sống từ bỏ tất cả,
Với hạnh tu tương xứng,
Nhiều loại thú bộ hành,
Nhiều sự vật khủng khiếp,
Nhiều ruồi muỗi độc xà,
Không mảy may rung động
Sợi lông bậc Mâu-ni
Sống trong nhà không tịch.
Dầu trời nứt, đất động,
Dầu muôn loài khủng bố,
Dầu bị giáo, đao, tên,
Quảng ném vào ngực Ngài,
Chư Phật không tạo nên,
Những căn cứ sanh y.

6) Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", liền biến mất tại chỗ.

12 Kinh Hòn Đá – Tương I, 243

Hòn Đá – *Tương* I, 243

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu).

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn ngồi giữa trời, trong bóng đêm tối, và trời mưa từng hột một.

3) Rồi Ác ma muốn làm Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, *xô những tảng đá lớn rơi xuống không xa Thế Tôn bao nhiêu.*

4) Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ với Ác ma:

Dầu Ông làm chấn động,
Toàn bộ núi Linh Thứu,
Cũng không làm rung động,
Bậc Giác Ngộ, Giải Thoát.

5) Rồi Ác ma được biết: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ.

13 Kinh Kakudha – Tương I, 124

Kakudha – *Tương* I, 124

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi Thiên tử Kokudha, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?*

- Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?

- *Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?*

- Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?

- *Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?*

- Thật như vậy, này Hiền giả.

3) Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,

Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

4) Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.

5) Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?

Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

6) Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sầu muộn,
Sầu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sầu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.

7) Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sầu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.

14 Kinh TIỂU Kinh THÍ DỤ LÕI CÂY – 30 Trung I, 435

TIỂU KINH THÍ DỤ LÕI CÂY
(Culasaropamasuttam)

– Bài kinh số 30 – *Trung* I, 435

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Pingalakoccha đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, chúc tụng xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pingalakoccha bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn này là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khi Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như Purana Kassapa, Makkhali Gosala, Ajita Kesakambali, Pakudha Kaccayana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nataputta, tất cả những vị này tự xưng là nhứt thiết trí hay tất cả không phải là nhứt thiết trí,

hay một số là nhứt thiết trí và một số không phải nhứt thiết trí?

– Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn, hãy dừng lại ở đây: *"Tất cả những vị này tự xưng là nhứt thiết trí hay tất cả không phải là nhứt thiết trí? Hay một số là nhứt thiết trí và một số không phải nhứt thiết trí?"* Này Bà-la-môn, Ta sẽ thuyết pháp cho Ông, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Pingalakoccha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, *chặt cành lá*, lấy chúng mang đi và tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó

là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, *chặt vỏ ngoài*, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt võ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, *chặt vỏ trong*, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm

lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, *chặt giác cây* mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng, có lõi cây, người ấy *chặt lõi cây*, mang đi và biết rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy, có thể nói: "Người này biết lõi cây, biết giác cây, biết vỏ trong, biết vỏ ngoài, biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn,

đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, mang đi và biết rằng đó là lõi cây. Và người này đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Cũng vậy, này Bà-la-môn, ở đây, có người do lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ, Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do *lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng* này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền". Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người ấy sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng: Người này giống như ví dụ ấy.

Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy *thành tựu giới đức*. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta trì giới, theo thiện pháp. Các Tỷ-kheo khác phá giới, theo ác pháp". Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt lấy vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-

môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy, không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy *thành tựu Thiền định*. Do thành tựu Thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu Thiền định này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta có Thiền định, nhứt tâm. Các Tỷ-kheo khác không có Thiền định, tâm bị phân tán". Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng

được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu Thiền định. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy vỏ trong mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy, không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy, không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Vị ấy

phát khởi lòng ao ước và tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu Thiền định. Vì thành tựu Thiền định này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu Thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu Thiền định. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy *thành tựu tri kiến*. Vị ấy, do tri kiến này, hoan hỷ tự mãn. Vị ấy, do tri kiến này, khen mình, chê người: "Ta sống, thấy và biết. Các Tỷ-kheo khác sống không thấy và không biết". Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng người này giống ví dụ ấy.

Nhưng ở đây, này Bà-la-môn, có người vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta

bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Do vị ấy xuất gia như vậy, *được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng*. **Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động.** *Vị ấy thành tựu giới đức*. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. *Vị ấy thành tựu Thiền định*. Do thành tựu Thiền định, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu Thiền định, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước và tinh tấn, chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu Thiền định. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. *Vị ấy thành tựu tri kiến*. Vị ấy do tri kiến này hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do tri kiến này, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng

ao ước, cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động.

Và này Bà-la-môn, những pháp gì cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù

thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định), sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Này Bà-la-môn, các pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, lấy và mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy.

Như vậy, này Bà-la-môn, phạm hạnh này không phải vì lợi ích, lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu Thiền định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này Bà-la-môn, **tâm giải thoát bất động** chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây của phạm hạnh, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Pingalakoccha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy

y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

15 Kinh Vị Ngọt – Tương III, 59

Vị Ngọt – *Tương* III, 59

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **vị ngọt** của sắc. Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

4) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **sự nguy hiểm** của sắc. Sự nguy hiểm của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

5) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **sự xuất ly** của sắc. Sự xuất ly của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự xuất ly của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

6-8) Này các Tỷ-kheo, Ta đi tìm cầu vị ngọt của thọ...

9-11) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của tưởng...

12-14) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của các hành...

15) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thức. Vị ngọt của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

16) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Nguy hiểm của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

17) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

18) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **năm thủ uẩn** này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

19) Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

20) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: **"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".**

16 Nhờ không chấp thủ nên không tháo động... - TIỂU Kinh SƯ TỬ HỐNG – 11 Trung I, 151

TIỂU KINH SƯ TỬ HỐNG
(Culasihanadasuttam)
– Bài kinh số 11 – *Trung* I, 151

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn,

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy

chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra khi ở đây những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn"?

Này các Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai; Sa-môn thứ ba; Sa-môn thứ tư". Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi có lòng tin bậc Đạo Sư, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các Giới luật, và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là Sa-môn... Sa-môn thứ tư".

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc Đạo Sư, vị ấy là Đạo Sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin Pháp, Pháp ấy là Pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các Giới luật, những Giới luật ấy là Giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?".

Chư Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau:

- "Chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là đa diện?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham, hay cho người không tham?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời:- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân, hay cho người không sân?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền,

cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân"

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si? Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không si, không phải cho người có si"

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có ái, hay cho người không ái?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ái, không phải cho người có ái"

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ, hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không chấp thủ, không phải cho người chấp thủ".

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho người có trí, không phải cho người không có trí".

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng, nghịch ứng hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không thuận ứng, không nghịch ứng, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng".

– "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận hay cho người không ưa hý luận,

không thích hý luận?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, không phải cho người ưa hý luận, thích hý luận".

Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: hữu kiến và phi hữu kiến.

– Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến.
– Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến.
– Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của chúng, những vị này là những vị có tham, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận, có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ.

– Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của chúng; những vị này là những vị không tham, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri ba sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri hai sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

– Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri một sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận

thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

Và này chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ, chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong một pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự

thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

– Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này, lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy ái làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy thọ làm duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy sáu nhập làm duyên... lấy sáu nhập làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy danh sắc làm duyên... lấy danh sắc làm

nhân.

– Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy thức làm duyên... lấy thức làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy hành làm duyên... lấy hành làm nhân.
– Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy vô minh làm duyên... lấy vô minh làm nhân.

Và Chư Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh sanh khởi, vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cấm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động. Nhờ không tháo động, nên tự thân chứng được Niết-bàn; vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

17 Thế nào là Tỷ kheo sống đạt được địa vị bất động - Kinh NGÀY TRAI GIỚI – Tăng II, 168

NGÀY TRAI GIỚI – *Tăng* II, 168

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Pubbàràma trong lâu đài của mẹ Migàrà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo vây quanh. Sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang im lặng, im lặng, rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- *Không nói lời phù phiếm, là hội chúng này; Không nói lời vô ích, này các Tỷ-kheo, là hội chúng này, thanh tịnh, an lập trên căn bản. Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo, hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng như vậy khó tìm được ở đời!*
- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, hội chúng như vậy, đáng được tôn trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.*
- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, hội chúng này như vậy dầu cho ít, được lợi nhiều, còn cho nhiều, lại được lợi nhiều hơn nữa.*

- *Chúng Tỷ-kheo này như vậy, Hội chúng này như vậy, nếu phải đi do một tuần để được yết kiến cũng nên đi, dầu có phải mang theo trên vai túi đựng đồ ăn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chúng Tỷ-kheo này.*

2. Này các Tỷ-kheo,

– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị chư Thiên.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Phạm Thiên.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Bất động.*
– *Có những Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được Thánh vị.*

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị chư Thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục … chứng và trú Sơ Thiền … Thiền thứ hai … Thiền thứ ba … chứng và trú Thiền thứ tư và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đạt được địa vị chư Thiên.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm Thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm cùng khởi với từ - biến mãn một phương và an trú … với tâm cùng khởi với bi … với tâm cùng khởi với hỷ … với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương và an trú. Cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên thế giới, vị ấy biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm Thiên.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các tưởng chướng ngại, sau khi không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên" chứng đạt và an trú "Không vô biên xứ". Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú "Thức vô biên xứ". Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi

tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo chứng đạt Bất động.

6. - Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chứng đạt địa vị bậc Thánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "***Đây là khổ"*** … như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đạt được địa vị bậc Thánh.

18 Thể nhập vào bất động - Kinh BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503

BẤT ĐỘNG – *Tăng* II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được **nghĩa** vô ngại giải,
- Đạt được **pháp** vô ngại giải,
- Đạt được **từ** vô ngại giải,
- Đạt được **biện tài** vô ngại giải,
- Quán sát tâm như đã giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

19 Thể nhập vào bất động - Kinh NGHE PHÁP – Tăng II, 503

NGHE PHÁP – *Tăng* II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành **Niệm hơi thở vô hơi thở ra**, không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời,
- Ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử;
- Ít thụy miên, chuyên chú trong giác tỉnh;
- Nghe nhiều, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ấy, Tỷ-kheo đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- Quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thánh tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

20 Thể nhập vào bất động - Kinh NÓI CHUYỆN – Tăng II, 504

NÓI CHUYỆN – *Tăng* II, 504

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Niệm hơi thở vô hơi thở ra**, không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- Ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử;
- Ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh;
- Đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;
- Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

21 Thể nhập vào bất động - Kinh RỪNG – Tăng II, 505

RỪNG – *Tăng* II, 505

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn **Niệm hơi thở vô hơi thở ra**, không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- Ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử,
- Ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh;
- Sống ở trong rừng, sống tại các sàng tọa xa vắng;
- Quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

22 Thức diễn tiến tuỳ theo đây đạt đến Bất động - Kinh BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH – 106 Trung III, 97

KINH BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH

(Ananjasappaya suttam)

– Bài kinh số 106 –* Trung *III, 97

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammassadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **các dục là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh.** Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma. Ở đây, các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai… cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý. Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý: tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi lên. Với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập". **Trong khi ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).** Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến** (samvattanikam vinnanam) có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Bất động".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại, và những dục tưởng tương lai, phàm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). **Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ**. Sau khi thân hoại

mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Những dục hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu"*. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong

giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: *"Trống không là tự ngã hay ngã này sở hữu"*. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào".* Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ**.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: *"Những dục hiện tại.. và những sắc tưởng và những Bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tưởng, tất cả các tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ"*. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Khi được nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– *Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu (nay) không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy* ***vị ấy được xả****. Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?*

– Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng cứu cánh Niết-bàn?

– Ở đây, này Ananda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, **thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy**. **Có thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.**

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào?

– Này Ananda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng?

– Này Ananda, Vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ananda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Như vậy, vị ấy được xả. Vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, **thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy**. **Không thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.**

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chính mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là ***Thánh giải thoát****?*

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những Bất động tưởng, những Vô sở hữu xứ tưởng, và những Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, **cái gì thuộc tự thân, là tự thân. Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước**". Này Ananda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tưởng

phi phi tưởng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết giảng. Những gì, này Ananda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. Hãy tu Thiền, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của Ta cho Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

23 Tâm giải thoát bất động - Kinh ĐẠI Kinh THÍ DỤ LÕI CÂY – 29 Trung I, 423

ĐẠI KINH THÍ DỤ LÕI CÂY

(Mahasaropama suttam)

– Bài kinh số 29 – *Trung* I, 423

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), núi Gijjhakuta (Linh Thứu), khi Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) từ bỏ (Chúng Tăng) ra đi không bao lâu. Ở đây, nhân việc Devadatta, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo và dạy như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện nam tử do lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: *"Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt được"*. Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng.

Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy

hoan hỷ, mãn nguyện. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy. Còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền". Vị ấy, vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu".

Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già,

chết, sầu, bi, khổ, ưu, não bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, Còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền". Vị ấy vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã nắm lấy cành lá của phạm hạnh, vì do vậy, vị ấy đã dừng lại (ở đây).

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu, giới đức này, vị ấy khen mình chê người: "Ta là

người trì giới, theo thiện pháp. Các Tỷ-kheo khác phá giới, theo ác pháp". Do thành tựu giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây,* không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. *Người này muốn được* lõi cây, tìm cầu lõi cây. *Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này* bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, *chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu"*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)... Do thành tựu giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã nắm lấy vỏ ngoài của phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại (ở đây).

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia

đình: "Ta bị chìm đắm trong vòng sanh, già, chết, sầu, bi, khổ ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt được". Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, nhưng không tự mãn. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không khen mình, chê người. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu thiền định này, vị ấy khen mình chê người: "Ta có thiền định nhất tâm. Các Tỷ-kheo khác không có thiền định, tâm bị phân tán". Do thành tựu thiền định này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy, bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ*

ngoài, không biết cành lá. Người này muốn lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)... Do thành tựu thiền định này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Vì sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm giữ vỏ trong của phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại (ở đây).

Lại nữa, ở đây, có Thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong vòng sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ, nhưng không tự mãn. Vị ấy

không vì thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu Thiền định. Vị ấy do thành tựu Thiền định này nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu Thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu Thiền định này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến, vị ấy vì tri kiến này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy do tri kiến này, khen mình, chê người. "Ta sống, thấy và biết. Các Tỷ-kheo khác sống, không thấy và không biết". Vị ấy, do tri kiến này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật vị ấy bị đau khổ. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: "Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây và mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người ấy không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình... Vị này, vì tri kiến này nên mê say, tham đắm, phóng dật. Vì sống phóng dật, vị này bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, như vậy vị này gọi là đã nắm giữ giác cây của phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại (ở đây).

Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong vòng sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu Thiền định, vị ấy do thành tựu Thiền định này, hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu Thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu Thiền định này trở thành mê

say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Do thành tựu tri kiến này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thời giải thoát. Này các Tỷ-kheo, sự tình này có thể xảy ra, Tỷ-kheo ấy có thể từ bỏ thời giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, mang đi và biết đó là lõi cây. Một người có mắt thấy như vậy, có thể nói: "Người này biết lõi cây, biết giác cây, biết vỏ trong, biết vỏ ngoài, biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thực hiện". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây một Thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, bỏ gia đình, sống không gia đình: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong khổ đau, bị chi phối bởi khổ đau. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt". Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng.

Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật. Vị ấy thành tựu giới đức. Vị ấy do thành tựu giới đức này hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy, không do thành tựu giới đức này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu giới đức này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu Thiền định. Vị ấy do thành tựu thiền định nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu Thiền định này khen mình, chê người. Vị ấy không do thành tựu thiền định này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy vì thành tựu tri kiến này nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu được phi thời gian giải thoát. Này chư Tỷ-kheo, sự tình này không thể xảy ra, Tỷ-kheo ấy có thể từ bỏ phi thời giải thoát này.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, phạm hạnh này không phải vì lợi ích, lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi

ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, **<u>tâm giải thoát bất động</u>** chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

24 Kinh Chánh Giác 1 – Tương IV, 19

Chánh Giác 1 – *Tương* IV, 19

1) Sàvatthi...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: *"Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của **mắt**? Cái gì là vị ngọt... của **tai**? Cái gì là vị ngọt... của **mũi**? Cái gì là vị ngọt... của **lưỡi**? Cái gì là vị ngọt... của **thân**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của **ý**?"*

3-7) Này các Tỷ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: ***"Do duyên** với **mắt, khởi lên lạc hỷ gì**, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt **vô thường, khổ, chịu sự biến hoại**, đấy là nguy hiểm của mắt. **Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham** đối với mắt là xuất ly của mắt... của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**...*

8) *Do duyên với **ý**, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý".*

9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu nội xứ** này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

10) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu nội xứ** này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và **tri kiến** này khởi lên nơi Ta: ***"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".***

Chánh Giác 2 – *Tương* IV, 21

1) ...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: *"Cái gì là vị ngọt*, *cái gì là nguy hiểm*, *cái gì là xuất ly của các* ***sắc****?... của các* ***tiếng****... của các* ***hương****... của các* ***vị****... của các* ***xúc****? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các* ***pháp****?"*

3) Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Do duyên các* ***sắc****, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.*

4-7) *... các* ***tiếng****... các* ***hương****... các* ***vị****... các* ***xúc****...*

8) *Do duyên các* ***pháp****, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp".*

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu ngoại xứ** này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối

với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: *"**Bất động** là **tâm giải thoát** của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

Chánh Giác 1 – *Tương* IV, 19

1) Sàvatthi...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: *"Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của* ***mắt****? Cái gì là vị ngọt... của* ***tai****? Cái gì là vị ngọt... của* ***mũi****? Cái gì là vị ngọt... của* ***lưỡi****? Cái gì là vị ngọt... của* ***thân****? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của* ***ý****?"*

3-7) Này các Tỷ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: *"**Do duyên** với **mắt, khởi lên lạc hỷ gì**, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt **vô thường, khổ, chịu sự biến hoại**, đấy là nguy hiểm của mắt. **Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham** đối với mắt là xuất ly của mắt... của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**...*

8) *Do duyên với **ý**, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý".*

9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu nội xứ** này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

10) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu nội xứ** này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và **tri kiến** này khởi lên nơi Ta: ***"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".***

Chánh Giác 2 – *Tương* IV, 21

1) ...

2) -- Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: *"Cái gì là vị ngọt*, *cái gì là nguy hiểm*, *cái gì là xuất ly của các* ***sắc****?... của các* ***tiếng****... của các* ***hương****... của các* ***vị****... của các* ***xúc****? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các* ***pháp****?"*

3) Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Do duyên các* ***sắc****, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.*

4-7) *... các* ***tiếng****... các* ***hương****... các* ***vị****... các* ***xúc****...*

8) *Do duyên các* ***pháp****, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp".*

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với **sáu ngoại xứ** này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối

với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: *"**Bất động** là **tâm giải thoát** của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

26 Kinh Vị Ngọt – Tương III, 57

Vị Ngọt – *Tương* III, 57

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

4) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của các hành? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?"

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

6)

- "**Do duyên sắc, lạc hỷ sanh**; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc.
- **Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại** của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc.
- **Sự nhiếp phục dục và tham** đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là xuất ly của sắc".

7) "Do duyên thọ, lạc hỷ sanh.."..

8) "Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh..".

9) "Do duyên các hành, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của các hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của các hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của các hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của các hành ".

10) "Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuấy ly của thức ".

11) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **năm thủ uẩn** này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

12) Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các

Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: **"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".**

27 Kinh DÂM DỤC – Tăng III, 349

DÂM DỤC –*Tăng* III, 349

1. Bấy giờ có Bà-la-môn Jànussoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả có tự xem mình là sống Phạm hạnh không?

- Này Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh phải nói như sau: "Vị ấy sống Phạm hạnh, không có bể vụn, không có khuyết điểm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn, thanh tịnh". Này Bà-la-môn, nếu nói về Ta một cách chơn chánh, thời phải nói như vậy: **"Ta sống Phạm hạnh, không có bể vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn, thanh tịnh".**

- Thưa Tôn giả Gotama, Phạm hạnh như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị ô nhiễm, bị điểm chấm?

2. - Ở đây, này Bà-la-môn, có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, *tuy không có hành dâm với nữ nhân, nhưng*

hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xức dầu. Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không thoát khỏi khổ.

3. Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, không có hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xức dầu, *nhưng cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân...*

...tuy không cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân, nhưng lấy mắt nhìn mắt, trừng mắt nhìn theo nữ nhân...

... tuy không lấy mắt nhìn mắt, trừng mắt nhìn theo nữ nhân, nhưng nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào...

...tuy không nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào, nhưng nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân...

...tuy không nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân, nhưng xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức...

...tuy không xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức, nhưng sống Phạm hạnh với tâm nguyện hướng đến một thân chư Thiên, nguyện rằng: "Với giới này hay với giới cấm này, hay với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ thành một Thiên nhân này hay một Thiên nhân khác". Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân.

Này Bà-la-môn, đấy gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đấy gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không giải thoát khỏi khổ.

Cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta còn tiếp tục thấy một hay một trong ***bảy hệ lụy đến dâm dục*** *này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta không có xác chứng rằng, Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.*

Và cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta tiếp tục không còn thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta mới xác chứng rằng, Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Tri và kiến được khởi lên nơi Ta: ***"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa".***

Được nói như vậy, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

28 Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610

Như Lai Thuyết 1 – *Tương* V, 610

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kàmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo,** do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) *Và **thế nào là con đường Trung đạo**, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

*5) Đây là Thánh đế về **Khổ**, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*

*6) Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

*7) Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.*

*8) Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.*

9) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là **Thánh đế về Khổ**, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

11) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.

12) Này các Tỳ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong **bốn Thánh đế** này, với **ba chuyển và mười hai** hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong **bốn Thánh đến** này, với **ba chuyển** và **mười hai hành tướng** như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: ***"Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".***

16) Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: *"Nay **vô thượng Pháp luân** này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".*

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ

chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba...

.... chư Thiên Yàmà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: **"Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"**

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Như Lai Thuyết 2 – *Tương* V, 616

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ đã được liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

3) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ tập** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe.... quang sanh.*

- *Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

4) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về* ***Khổ diệt*** *này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*

5) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về* ***Con Đường đưa đến Khổ diệt*** *này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được*

nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

29 Kinh TAGAYÀ – Tăng III, 688

TAGAYÀ –*Tăng* III, 688

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayasisa. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" - "Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ".

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh Đẳng Giác, Ta còn làm Bồ Tát, Ta tưởng tri ánh sáng, Ta không thấy sắc.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: " Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng và Ta có thể thấy được màu sắc, như vậy tri kiến của Ta được thanh tịnh hơn lên". Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, nhưng Ta không giao thiệp với chư Thiên ấy, không nói chuyện, không thảo luận".

3. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng có thể thấy được các sắc, có thể giao thiệp với chư Thiên ấy, có thể nói chuyện, có thể thảo luận, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn lên". Và này các Tỷ-kheo, sau một

thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện và thảo luận. Nhưng Ta không biết về các chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc về Thiên chúng này, thuộc về Thiên chúng này".

4. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: " Nếu Ta tưởng tri ánh sáng, thấy được các sắc, giao thiệp với chư Thiên ấy, nói chuyện, thảo luận với chư Thiên ấy và biết được về chư Thiên ấy, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn ".

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với chư Thiên ấy, biết được: "Chư Thiên này thuộc về Thiên chúng này, Thiên chúng này", nhưng Ta không biết được: "Chư Thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy";

… Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy"; nhưng Ta không biết được: "Chư Thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này";

… Ta biết được: "Chư Thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này"; nhưng Ta không biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này",

... Ta biết được: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này"; nhưng Ta không biết chư Thiên ấy: "Trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư Thiên này? "

5. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: " Nếu ta nhận thức được ánh sáng, thấy được các sắc, cùng với chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận, Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc Thiên chúng này, thuộc Thiên chúng này". Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy". Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này"; Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này"; Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này"; như vậy, tri kiến của Ta được thanh tịnh hơn trước".

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần:

1. Ta tưởng tri ánh sáng,
2. Thấy được các sắc,
3. Ta giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với các chư Thiên ấy
4. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc Thiên chúng này, thuộc Thiên chúng này".
5. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy".
6. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này";
7. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này";
8. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này, hay trước đây Ta không có ở cùng với chư Thiên này".

6. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **tri kiến gồm có tám diễn tiến** và thuộc thượng giới Thiên này không được khéo thanh tịnh nơi ta, thời Ta không có

xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm Thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, rằng Ta đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới Thiên này được khéo thanh tịnh nơi ta, thời Ta có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm Thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, rằng Ta đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, không còn tái sanh nữa".*

30 Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195

TAPUSSA – *Tăng* IV, 195

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Malla, tại một thị trấn của dân chúng Malla tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khất thực. Khất thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda, nói rằng:

- Này Ànanda, Thầy hãy ở đây, chờ cho Ta vào trong rừng Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào rừng Đại Lâm ngồi nghĩ ban ngày tại một gốc cây.

2. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ànanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ànanda, chúng tôi là người gia chủ, thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tính, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

- Này Gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Này Gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Thế Tôn Ànanda.

3. Rồi Tôn giả Ànanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ànanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ, thọ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này".

4. - Như vậy là phải, này Ànanda! Như vậy là phải, này Ànanda!

Này Ànanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: **"Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly". Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có*

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Vì Ta không thấy **Nguy hiểm trong các dục**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. **Lợi ích của xuất ly** chưa được chứng đắc, Ta chưa được **thưởng thức** lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi trong xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau:** *Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".*
- Rồi này Ànanda, ***sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy.*** **Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong xuất ly**, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. *Do Ta trú với sự*

*an trú này, các **tưởng** tác ý câu hữu với **dục** vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên, như là một chứng bệnh.* Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

5. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**". ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tầm ấy,*** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì, do duyên gì, Tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Vì Ta không thấy nguy hiểm trong **các tầm**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tầm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy". Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.*

- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau**: *"Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".*
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các tầm. Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta diệt tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành*. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

6. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**. ***Nhưng này Ànanda, tâm của Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy,*** không có tịnh tín, không có an trú,

không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong **hỷ**, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không

có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành.* *Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh.* Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

7. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**". ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ, không lạc***, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của*

không khổ, không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc ấy, không tịnh tín, không có an trú, không giải thoát".

- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ, không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ, không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ, không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta xả lạc, xả khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiện hành*. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các

tưởng, tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

8. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ,*** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?".*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*

- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tưởng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành*. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

9. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ***, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"*.

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự

kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành*. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

10. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. ***Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ***, không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ , không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm

cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh*. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

11. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có*

tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh*. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

12. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tưởng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ... chứng đạt và an

trú Diệt thọ tưởng định, *Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.*

13. Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiền chứng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta chưa xác chứng rằng ta đã chứng **Chánh Đẳng Chánh giác**.

Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiền chứng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tri và Kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

31 Kinh TRƯỚC KHI GIÁC NGỘ – Tăng I, 468

TRƯỚC KHI GIÁC NGỘ – *Tăng* I, 468

1. - Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa **chánh đẳng giác,** còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

- "Cái gì là vị ngọt ở đời?
- Cái gì là nguy hại?
- Cái gì là xuất ly?".

Rồi này các Tỷ-kheo, về vấn đề ấy, tư tưởng sau đây khởi lên nơi Ta:

→ "Do duyên với đời, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt ở đời.

→ Cái gì ở đời là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hại ở đời.

→ Điều phục dục tham ở đời, đoạn tận tham dục, đây là xuất ly ở đời".

2. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta chưa thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có

Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới xác nhận Ta đã giác liễu vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa".*

3. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt ở đời. Vị ngọt ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, vị ngọt có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy vị ấy ngọt.

- Này các Tỷ-kheo, Ta đã tìm được cầu nguy hại ở đời. Nguy hại ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, nguy hại có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy nguy hại ấy.
- Này các Tỷ-kheo Ta đã đi tìm cầu xuất ly ở đời. Xuất ly ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, xuất ly có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy xuất ly ấy.

4. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-

kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, ta mới xác nhận Ta đã giác liễu vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa".*

32 Kinh Vị Ngọt 1 – Tương IV, 22

Vị Ngọt 1 – *Tương* IV, 22

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của **mắt**. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ- kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**...

7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của **ý**. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý.

Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

Vị Ngọt 2 – *Tương* IV, 23

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **sắc**. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) ...các **tiếng**... các **hương**... các **vị**... các **xúc**...

7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **pháp**. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực

nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: ***"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".***

33 Kinh TRÍ TUỆ – Tăng IV, 142

TRÍ TUỆ – *Tăng* IV, 142

1. - *Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập****?*

1. *"**Ly tham** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
2. *"**Ly sân** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
3. *"**Ly si** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
4. *"**Tánh không có tham** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
5. *"**Tánh không có sân** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
6. *"**Tánh không có si** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*

7. ***"Tánh không chuyển hướng về dục hữu** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
8. ***"Tánh không chuyển hướng về sắc hữu** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*
9. ***"Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.*

Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

TRỤ ĐÁ – 143tc4

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Candikàputta trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đấy, Tôn giả Candikàputta gọi các Tỷ-kheo, nói rằng:

- Này các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên là đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

2. Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Candikàputta:

- Này Hiền giả Candikàputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

Này Hiền giả Candikàputta, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

3. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Candikàputta bảo các Tỷ-kheo nói rằng:

- Thưa các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ thời thật hợp lý cho vị Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Lần thứ ba, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Candikàputta:

- Này Hiền giả Candikàputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được *khéo tích tập với trí tuệ* thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Này Hiền giả Candikàputta. Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

4. - *Và như thế nào, này Hiền giả, tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý?*

1. *"Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
2. *"Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
3. *"Ly si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
4. *"Tánh không có tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
5. *"Tánh không có sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
6. *"Tánh không có si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
7. *"Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
8. *"Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*
9. *"Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.*

5. Như vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của con mắt, các sắc không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp

nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Nếu các tiếng do tai nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lỗ tai... nếu các hương do mũi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lỗ mũi... nếu các vị do lưỡi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lưỡi... nếu các xúc do thân nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của thân... Nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của ý, các pháp không chinh phục, tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Ví như, này Hiền giả, một trụ đá cao mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay chôn sâu xuống đất, tám khuỷu tay nổi lên trên, nếu từ phương Đông, mưa to gió lớn đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy. Vì sao? Này Hiền giả, vì trụ đá được đào sâu, được chôn sâu.

Cũng vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của con mắt, các sắc không

chinh phục tâm của vị ấy, tâm được an trú không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Nếu các tiếng do tai nhận thức... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của ý, các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

34 Kinh Tỷ Kheo – Tương II, 414

Tỷ Kheo – *Tương* II, 414

1) Sàvatthi.

2) Vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là bậc Ứng cúng, đã đoạn tận các lậu hoặc; Ta nói, *lợi đắc, cung kính, danh vọng* vẫn là pháp chướng ngại cho vị Tỷ-kheo ấy.

3) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, với vị Tỷ-kheo, lậu hoặc nào được đoạn tận thì các lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp?

4) Đối với vị đã chứng **bất động tâm giải thoát**, Ta không nói rằng, các lợi đắc, cung kính, danh vọng trở thành một chướng ngại pháp cho vị ấy.

5) Và này Ananda, đối với những ai sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; những người chứng được hiện tại lạc trú; đối với những người ấy, Ta nói rằng, lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp.

6) Như vậy khổ lụy, này Ananda, là lợi đắc, cung kính, danh vọng, đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

7) Do vậy, này Ananda, cần phải học tập như vầy: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú".

8) Như vậy, này Ananda, các Ông cần phải học tập.

35 Tâm của bậc Alahán như thế nào - Kinh SONA – Tăng III, 155

SONA –*Tăng* III, 155

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú tại Ràjagaha (Vương Xá) núi Gijjhakùta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ Tôn giả Sona trú ở Ràjagaha, tại rừng Sìta. Rồi Tôn giả Sona, trong khi độc cư Thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: *"Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, và ta có thể hưởng thọ tài sản và làm điều công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức".*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Sona, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất từ núi Gijjhakùta, hiện ra trước mặt Tôn giả Sona, ở rừng Sìta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sona đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sona đang ngồi một bên:

- Này Sona, có phải trong khi thầy độc cư Thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn Tỳ-bà có dây?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá căng thẳng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy không quá căng thẳng, không quá chùng xuống, nhưng vặn đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa được, bạch Thế Tôn.

- *Cũng vậy, này Sona,* ***khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, này Sona, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng.***

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới Tôn giả Sona với lời giáo giới, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất tại rừng Sìta và hiện ra ở núi Gijjhakùta.

2. Rồi Tôn giả Sona, sau một thời gian an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng và tại đấy nắm giữ tướng.

Rồi Tôn giả Sona sống độc cư, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ và chứng đạt vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái nay nữa". Tôn giả Sona trở thành một vị A-la-hán.

Sau khi chứng được A-la-hán, Tôn giả Sona suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ta sẽ nói lên ý nghĩa này với Thế Tôn".

Rồi Tôn giả Sona đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn:

3. - *Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã trừ diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí; vị ấy có sáu chỗ để xu hướng:*

- *Xu hướng xuất ly,*
- *Xu hướng viễn ly,*
- *Xu hướng vô sân,*
- *Xu hướng ái diệt,*
- *Xu hướng thủ diệt,*
- *Xu hướng vô si.*

4. *Bạch Thế Tôn, có thể ở đây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Tôn giả này hoàn toàn chỉ y cứ trên tín, có xu hướng xuất ly". Vị Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bạch Thế Tôn, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần làm, hay còn cái gì cần phải làm thêm; do* ***đoạn***

***diệt tham ái**, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do **đoạn diệt sân**, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do **đoạn diệt si**, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly.*

5. *Bạch Thế Tôn, có thể ở đây một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Tôn giả này do tham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng nên hướng tâm về xu hướng viễn ly". Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần làm hay còn cái gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt **tham** ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt **sân**, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt **si**, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly.*

6-9. *Bạch Thế Tôn, có thể đây một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Do đi ngược trở lại tối thắng giới cấm thủ, Tôn giả này hướng tâm đến xu hướng vô sân". Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần phải làm hay còn cái gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô tham; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến*

xu hướng vô sân; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si.

... Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt.

...Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt.

...Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si.

10. *Như vậy, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, bạch Thế Tôn, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.*

Nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức... nếu nhiều pháp

do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

11. Ví như, bạch Thế Tôn, một hòn núi đá, không có rạn nứt, không có trống bọng, một tảng đá lớn, nếu từ phương Đông mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy. Nếu từ phương Tây mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Bắc mưa to gió lớn đến....nếu từ phương Nam mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng. Nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức, nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

Với ai hướng ***xuất ly****,*
Tâm xu hướng ***viễn ly,***

*Với ai hướng **vô sân**,*
*Tâm xu hướng **thủ diệt**,*
*Với ai hướng **ái diệt**,*
*Tâm xu hướng **vô si**,*
Có thấy xứ sanh khởi,
Tâm được chánh giải thoát.

Với vị chánh giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Không cần làm thêm gì,
Không có gì phải làm.
Như hòn núi đá tảng,
Gió không thể dao động,
Cũng vậy, toàn thể sắc,
Vị, tiếng, và hương, xúc,
Cho đến tất cả pháp,
Khả ái, không khả ái,
Không có thể dao động,
Một vị được như vậy,
Tâm kiên trú, giải thoát,
Thấy tánh diệt của chúng.

36 ĐẠI Kinh PHƯƠNG QUẢNG – 43 Trung I, 639

ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG

(Mahavedalla suttam)

– Bài kinh số 43 – *Trung* I, 639

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, khi thiền định xong, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahakotthita nói với Tôn giả Sariputta:

– *Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (Duppanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?*

– Này Hiền giả, **vì không tuệ tri**, không tuệ tri (Nap-pajanati), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì? Không tuệ tri: đây là Khổ, không

tuệ tri: đây là Khổ tập, không tuệ tri: đây là Khổ diệt, không tuệ tri: đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sariputta một câu hỏi nữa:

– *Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào là được gọi là trí tuệ?*

– **Vì có tuệ tri**, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: đây là Khổ, có tuệ tri: đây là Khổ tập, có tuệ tri: đây là Khổ diệt, có tuệ tri: đây là Con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– *Thức, thức, này Hiền giả, được gọi là như vậy, Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?*

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri, này Hiền giả nên được gọi là có thức. Thức tri gì? **Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc.** Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

– Này Hiền giả, Trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, trí tuệ cần phải được tu tập (Bhavetabba), còn thức cần phải được liễu tri (Parinneyyam) như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

– Cảm thọ, cảm thọ, này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm

thọ?

– Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (Vedeti), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– Này Hiền giả, tưởng, tưởng (Sanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?

– Tưởng tri, tưởng tri (Sanjanati), này Hiền giả, nên được gọi là tưởng, Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.

– Này Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, *điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ*

được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?

– Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.

– Này Hiền giả, pháp gì đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?

– Này Hiền giả, nhờ tuệ nhãn, pháp được đưa đến có thể tuệ tri.

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (Abhinnattha), có nghĩa là liễu tri (Parinnattha), có nghĩa là đoạn tận (Pahanattha).

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi?

– Này Hiền giả, có hai duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý. Này Hiền giả, do hai duyên này, chánh tri kiến sanh khởi.

– Này Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, và tuệ giải thoát quả, tuệ giải thoát quả công đức?

– Này Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, này Hiền giả, chánh tri kiến có **giới** hỗ trợ, có **văn** (Suta) hỗ trợ, có **thảo luận** hỗ trợ, có **chỉ** (Samatha) hỗ trợ, có **quán** (Samadhi) hỗ trợ. Này Hiền giả, chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu hữu (Bhava)?

– Này Hiền giả, có ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?

– Này Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy, sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai không xảy ra?

– Này Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sanh trong tương lai không xảy ra.

– Này Hiền giả, thế nào là Thiền thứ nhất?

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, **Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần**. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần, và thành tựu năm chi phần.

– Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?

– Nầy Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, **ý làm sở y cho chúng, và ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.**

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên gì

mà chúng an trú?

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này do duyên tuổi thọ (Ayu) mà chúng an trú.

– Này Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– Này Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. *Này Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?*

– Này Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. *Này Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy*. Cũng vậy này Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, những pháp thọ hành (Ayusankhara) này là những pháp được cảm thọ (Vedaniya) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?

– Này Hiền giả, những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Này Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định. Này Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định.

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ, thì thân này được nằm xuống, quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri?

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này nằm xuống, được quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.

– Này Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định?

– Này Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân

hành của nó chấm dứt, dừng lại, khẩu hành chấm dứt, dừng lại, tâm hành chấm dứt, dừng lại, tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỳ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định, thì thân hành của vị này được chấm dứt, được dừng lại, khẩu hành được chấm dứt, được dừng lại, tâm hành được chấm dứt, được dừng lại, nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Này Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỳ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc?

– Này Hiền giả, có bốn duyên để chứng nhập **tâm giải thoát bất khổ bất lạc**. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có hai duyên để chứng nhập **vô tướng tâm giải thoát**: không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới. Này Hiền giả, do hai

duyên này mà chứng nhập vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có ba duyên để an trú **vô tướng tâm giải thoát**: không tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước. Này Hiền giả, do ba duyên này mà an trú vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khởi vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có hai duyên để xuất khởi **vô tướng tâm giải thoát**: tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới. Này Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khởi vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát này, vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát này và vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?

– Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát và vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, này Hiền giả,

do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt.

Này Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. *Như vậy, này Hiền giả, gọi là* **vô lượng tâm giải thoát.**

Và này Hiền giả, thế nào là **vô sở hữu tâm giải**

thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **không tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: *"Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở"*. Như vậy, này Hiền giả, gọi là không tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đạt và an trú vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Như vậy là có pháp môn và do pháp môn này những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt.

Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt?

Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; **sân** là nguyên nhân của hạn lượng; **si** là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã

đoạn trừ các lậu hoặc và tham, sân, si này đã được chặt tận gốc như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô lượng, thì **bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng** đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si.

Tham, này Hiền giả, là một vật gì (chướng ngại), sân là một vật gì (chướng ngại), si là một vật gì (chướng ngại). Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này đã được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si.

Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô tướng, thì **bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng** đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động

tâm giải thoát này không có tham, không có sân, không có si.

Như vậy, này Hiền giả, là pháp môn này, những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

37 Kinh CÁC HẠNG SA MÔN 1 – Tăng I, 717

CÁC HẠNG SAMÔN 1 – *Tăng* I, 717

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- **Sa-môn bất động,**
- **Sa-môn sen trắng,**
- **Sa-môn sen hồng,**
- **Sa-môn tinh luyện trong các Sa-môn.**

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là hạng hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Ví như, này các Tỷ-kheo, vị trưởng nam vua Sát-đế-ly, xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, nhưng chưa làm lễ quán đảnh, và đạt đến địa vị bất động. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng chưa với thân cảm giác được tám giải thoát và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, và với thân cảm giác được tám giải thoát và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần

được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu.

- Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít không khả ái, với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít không khả ái, với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít không khả ái, giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái.
- Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật hay phát sanh từ đàm, hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nước trong thân thể; hay phát sinh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận, hay phát sanh từ các công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục của nghiệp; những số cảm thọ ấy không khởi lên nhiều, vị ấy ít bị bệnh tật.
- Đối với bốn Thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn.

6. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời

này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

- Này các Tỷ-kheo, Ta nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu.
- Ta sống với các Tỷ-kheo nào, các vị ấy đối với Ta, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái.
- Phàm có những cảm thọ nào khởi lên, phát sanh từ mật, hay phát sinh từ đàm, hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nước trong thân thể, hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận, hay phát sanh từ sự công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục các nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều nơi Ta.
- Ta ít bị bệnh tật. Đối với bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó

khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tai, với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, nếu có nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 2 – *Tăng* I, 721

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- ***Sa-môn bất động,***
- ***Sa-môn sen trắng,***
- ***Sa-môn sen hồng,***
- ***Sa-môn tinh luyện.***

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc hướng đến giác ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, là bậc Nhất lai, chỉ có một lần trở lui đời này rồi chấm dứt khổ đâu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị Bất lai, từ đấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do đoạn tận các lậu hoặc, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải

thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng Sa-môn này có mặt, xuất hiện ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 3 – *Tăng* I, 723

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Sa-môn bất động,
- Sa-môn sen trắng,
- Sa-môn sen hồng,
- Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến ..., chánh định, chánh trí, chánh giải thoát, nhưng không có an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có chánh tri kiến ... chánh giải thoát, an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít không được yêu cầu ...

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

CÁC HẠNG SA MÔN 4 – *Tăng* I, 724

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Sa-môn bất động,
- Sa-môn sen trắng,
- Sa-môn sen hồng,
- Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị hữu học, ý chưa đạt được mục đích, đang sống hướng đến vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ ... đây là tưởng ... đây là các hành ... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt". Nhưng vị ấy chưa an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng <u>Sa-môn sen hồng</u>?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống, tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc ... đây là thức chấm dứt". Và vị ấy an trú với thân cảm giác tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng <u>Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn</u>?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu ...

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, người ấy này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.